

Số: 1048/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Điện – điện tử tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 64 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 12 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K56 (2014 – 2018)	K57 (2015 – 2019)	K58 (2016 – 2020)	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01	04	59	64

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 (2015-2018)	K58 (2016-2019)	K59 (2017-2020)	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01	01	10	12

Điều 2. Trường phòng liên quan, Khoa Điện – điện tử và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
Theo Quyết định số 1048 /QĐ-ĐHNT ngày 14 tháng 9 năm 2020
Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56131661	Hoàng Nguyên Hùng	05/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.DDT	2014-2018
2	57131354	Nguyễn Duy Phú	29/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.DDT-1	2015-2019
3	57132190	Trần Thế Duy	11/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
4	57132040	Nguyễn Phước Lộc	16/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
5	57131774	Nguyễn Bá Thành	06/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.DDT-2	2015-2019
6	58132115	Văn Ngọc Anh	06/03/1998	Hà Tĩnh	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
7	58132125	Nguyễn Văn Cửu	12/02/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
8	58132139	Đặng Ngọc Điền	28/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
9	58132141	Huỳnh Trọng Đức	18/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
10	58133308	Đỗ Thanh Dũng	10/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
11	58132136	Phạm Phi Dương	02/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
12	58132134	Trần Anh Duy	15/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
13	58132144	Phạm Minh Giang	16/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
14	58132156	Phạm Bùi Đức Hoàng	09/05/1997	Quảng Trị	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
15	58132158	Phạm Tấn Hồi	02/02/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
16	58132167	Nguyễn Hoàng Hưng	07/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
17	58132176	Lê Hữu Khán	15/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
18	58132168	Nguyễn Quốc Kiên	20/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
19	58132170	Phạm Văn Kiệt	03/11/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
20	58132181	Phan Bá Lộc	14/06/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
21	58132185	Lê Đức Mạnh	05/02/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
22	58132189	Nguyễn Thành Nhân	10/08/1998	Thừa Thiên Huế	Nam	Trung bình	58.DDT-1	2016-2020
23	58132202	Phạm Đình Quang	28/04/1998	Phú Yên	Nam	Giỏi	58.DDT-1	2016-2020
24	58133266	Nại Thành Sơn	05/10/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
25	58132208	Nguyễn Minh Tài	11/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.DDT-1	2016-2020
26	58132210	Trần Xuân Tài	26/07/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
27	58132226	Phạm Hòn Ngọc Thạch	20/08/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	58.DDT-1	2016-2020
28	58132231	Trần Minh Thành	27/07/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
29	58132235	Phạm Huỳnh Văn Thịnh	01/07/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
30	58132243	Nguyễn Ngọc Trí	11/04/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-1	2016-2020
31	58132247	Huỳnh Nhật Trung	04/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.DDT-1	2016-2020
32	58132114	Trần Nhật Anh	11/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.DDT-2	2016-2020
33	58132138	Nguyễn Huỳnh Đề	02/10/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
34	58132129	Phạm Văn Diệp	08/03/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
35	58132142	Lê Văn Đức	04/05/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
36	58132131	Trần Đình Dũng	09/06/1996	Quảng Bình	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
37	58132133	Bùi Ngọc Hải Duy	21/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
38	58132135	Trần Quang Duy	30/06/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
39	58132143	Đào Hoàng Giang	16/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.DDT-2	2016-2020
40	58132150	Nguyễn Minh Hiếu	24/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
41	58132153	Trương Quang Hiếu	29/09/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020

BT

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
42	58132166	Hồ Trọng Hưng	10/03/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
43	58132177	Đặng Việt Khôi	23/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
44	58132169	Đặng Tuấn Kiệt	01/05/1998	Phú Yên	Nam	Giỏi	58.DDT-2	2016-2020
45	58132182	Võ Tài Lộc	08/07/1998	Phú Yên	Nam	Giỏi	58.DDT-2	2016-2020
46	58133315	Trần Trịnh Lợi	04/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
47	58132184	Đào Việt Mạnh	01/01/1998	Hà Tĩnh	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
48	58132187	Nguyễn Thành Nhân	01/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
49	58131359	Nguyễn Văn Nhật	20/02/1995	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
50	58132191	Hoàng Văn Nhật	26/06/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
51	58132200	Châu Thị Mỹ Phụng	06/01/1997	Bình Định	Nữ	Khá	58.DDT-2	2016-2020
52	58133319	Đồng Đại Sư	08/07/1997	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	58.DDT-2	2016-2020
53	58132209	Trần Anh Tài	20/12/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.DDT-2	2016-2020
54	58132212	Bùi Văn Tâm	05/08/1995	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
55	58133466	Mai Phạm Chí Thắng	12/08/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	58.DDT-2	2016-2020
56	58132230	Lê Minh Thành	12/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
57	58131693	Nguyễn Văn Thiên	09/01/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
58	58132240	Nguyễn Sỹ Thủy	30/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
59	58132241	Đoàn Minh Trí	09/09/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
60	58132245	Phan Anh Triều	28/02/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
61	58132248	Trịnh Quang Trung	28/08/1998	Kon Tum	Nam	Trung bình	58.DDT-2	2016-2020
62	58132224	Đỗ Xuân Tùng	08/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.DDT-2	2016-2020
63	58133116	Đinh Nam Tường	18/01/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
64	58132253	Thiều Khắc Vĩnh	01/06/1996	Phú Yên	Nam	Khá	58.DDT-2	2016-2020
Danh sách có 64 sinh viên								

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
Theo Quyết định số 1048 /QĐ-ĐHNT ngày 14 tháng 9 năm 2020
Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160962	Dương Quốc Duyệt	12/03/1997	Kiên Giang	Nam	Trung bình	57C.DDT	2015-2018
2	58160844	Trần Quang Vinh	03/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.DDT	2016-2019
3	59161169	Nguyễn Văn An	10/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.DDT	2017-2020
4	59161196	Phạm Trọng Hữu	20/03/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020
5	59161209	Trần Văn Lê	13/06/1995	Nghệ An	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020
6	59161221	Nguyễn Thành Nhân	22/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020
7	59161233	Nguyễn Kim Tài	16/04/1999	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020
8	59161234	Nguyễn Văn Tâm	30/09/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020
9	59161257	Lê Duy Trịnh	17/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020
10	59161262	Võ Anh Tú	23/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020
11	59161272	Võ Văn Vương	10/12/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59C.DDT	2017-2020
12	59169351	Lê Đình Vương	12/02/1997	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59C.DDT	2017-2020

Danh sách có 12 sinh viên

(Chữ ký)